

Số: 65 /QĐ-BVPVL

Vĩnh Long, ngày 08 tháng 04 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023
của Bệnh Viện Phổi Vĩnh Long

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ- CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long về việc đổi tên Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Vĩnh Long thành Bệnh viện Phổi Vĩnh Long;

Theo đề nghị của Phòng Kế hoạch-Tài chính- Chỉ đạo tuyến- Điều dưỡng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai quyết toán ngân sách năm 2023 của Bệnh viện Phổi Vĩnh Long (đính kèm phụ lục).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà Trưởng Phòng Kế hoạch-Tài chính- Chỉ đạo tuyến- Điều dưỡng và lãnh đạo các khoa, phòng chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế Vĩnh Long;
- Lưu : VT, KHTCCĐT&ĐD

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Đông
Nguyễn Văn Đông

BỆNH VIỆN PHỔI VĨNH LONG

Chương : 423



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 65/QĐ-BVPVL ngày 08/4/2024 của Giám Đốc bệnh viện Phổi Vĩnh Long)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổ số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (Nếu có)
1	2	3	4	5 = 4-3	6
I	Quyết toán thu	27.351	27.351	-	
A	Tổng số thu	27.351	27.351	-	
1	Số thu phí, lệ phí	0	0	-	
2	Thu dịch vụ khám chữa bệnh	26.135	26.135	-	
3	Thu sự nghiệp khác: cho thuê mặt bằng bãi giữ xe, căn tin, nhà thuốc	1.211	1.211	-	
4	Thu hoạt động tài chính	5	5		
B	Chi từ nguồn thu được để lại	25.442	25.442	-	
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại			-	
2	Chi dịch vụ khám chữa bệnh)	24.343	24.343	-	
3	Thu sự nghiệp khác: cho thuê mặt bằng bãi giữ xe, căn tin, nhà thuốc	1.099	1.099	-	
C	Số thu nộp NSNN	-	-	-	
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	5.884	5.884	-	
1	Chi quản lý hành chính			-	

2	Nghiên cứu khoa học			-	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề			-	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình (130-132)	5.884	5.884	-	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.917	4.917	-	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	967	967	-	
4.2.1	Thuê phần mềm khám chữa bệnh	98	98	-	
4.2.2	Bảo hiểm cháy nổ	50	50	-	
4.2.3	Kinh phí sự nghiệp y tế- Dân số- Chương trình chống Lao	135	135	-	
4.2.4	Kinh phí sự nghiệp y tế- Dân số- Chương trình PC bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính -Hen phế quản	87	87	-	
4.2.5	Thuê phần mềm hệ thống thông tin chẩn đoán hình ảnh lưu trữ và truyền hình ảnh Ris/Pacs, hệ thống thông tin xét nghiệm Lis	55	55	-	
4.2.6	Chính sách đãi ngộ theo nghị quyết 53 của HĐND tỉnh	360	360	-	
4.2.7	Phụ cấp chống dịch covid-19	45	45	-	
4.2.8	Chính sách đào tạo theo nghị quyết 53 của HĐND tỉnh	137	137	-	

